TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/01/2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.

2. Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Trang -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 23/12/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chu Đức Thi V, sinh năm 1993 (có mặt).

HKTT:Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 2000 (vắng mặt)

HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa phía nguyên đơn là anh Chu Đức Thi V trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh xây dựng gia đình với chị Trương Thị H vào ngày 05/6/2019 âm lịch tức ngày 07/7/2019 dương lịch trên cơ sở tự nguyện, trước

khi cưới có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 05/7/2019. Cưới xong chị H có về gia đình anh làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng một tháng sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp tính nết của nhau, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, hay cãi nhau. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã cố gắng can thiệp nhưng vợ chồng không kiềm chế được nỗi bức xúc khi sống chung trong một gia đình. Ngày 26/8/2019 chị H tự ý bỏ gia đình đi, anh có gọi chị H về chung sống nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và không quay lại chung sống nữa. Hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhưng không kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị H.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung, nhà đất, ruộng canh tác chung: Vợ chồng không có tài sản chung, ruộng canh tác, nhà đất chung, không cho ai vay cũng như không nợ ai. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh V giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Tại biên bản xác minh ngày 02/10/2019 ông Trương Đức S là bố đẻ chị Trương Thị H cung cấp: Ông xây dựng gia đình cho chị H, anh V vào ngày 05/6/2019 âm lịch trên cơ sở anh chị được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh V, chị H do đâu thì ông không rõ. Sau khi anh V làm đơn xin ly hôn chị H, Tòa án thụ lý giải quyết ông đã thông báo cho chị H biết nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không về làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, việc chấp hành của bị đơn là không đúng quy định pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Chu Đức Thi V được ly hôn với chị Trương Thị H.

2. Về án phí: Anh Chu Đức Thi V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Chu Đức Thi V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chị Trương Thị H vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Pháp luật nên cần áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Đức Thi V kết hôn với chị Trương Thị H vào ngày 04/6/2019 âm lịch (tức 7/7/2019 dương lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 05/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến 26/8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nết của nhau, hay cãi nhau. Chị H đã bỏ nhà đi từ ngày 26/8/2019, hai gia đình đôi bên cũng hòa giải động viên nhưng không kết quả. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh V đề nghị được ly hôn chị H.

Qua biên bản xác minh tại gia đình ông Trương Đức Suốt là bố đẻ chị H cung cấp: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xác định không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét tình cảm anh V, chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho anh Chu Đức Thi V được ly hôn chị Trương Thị H.

Về con chung, tài sản: Vợ chồng không có gì liên quan nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Chu Đức Thi V chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị H và anh V được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Chu Đức Thi V được ly hôn chị Trương Thị H.

2. Về án phí: Anh Chu Đức Thi V phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng anh V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/05617 ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận anh V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Ngô Văn Quang

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- T.H.A huyện Việt Yên
- Các đ- ơng sự
- UBND xã T
- L- u